

# TỔ SƯ BÁCH NGHỆ TRONG TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN THĂNG LONG - HÀ NỘI

◆ TS. NGUYỄN HUY BÌNH

**T**rong truyền thuyết dân gian, tổ sư bách nghệ (tổ nghề) được coi là nhân vật sáng tạo ra một nghề, hoặc đã mang nghề từ địa phương, vùng miền khác truyền lại cho dân làng, các nghề ấy dần dần giữ một vai trò quan trọng trong đời sống của người dân. Ở vùng đất Thăng Long, các làng nghề, phố nghề xuất hiện phổ biến và đã làm nên một nét văn hoá truyền thống đặc sắc. Trong quá trình thờ cúng, các nhân vật tổ nghề này được gắn với các phong tục tập quán, gắn với di tích thờ cúng và gắn với truyền thuyết lưu truyền trong dân gian. Tìm hiểu truyền thuyết dân gian về các vị tổ nghề Thăng Long-Hà Nội, chúng tôi giới hạn trong không gian địa lí văn hóa cổ truyền vùng Thăng Long, không bao gồm các đơn vị hành chính sáp nhập với tỉnh Hà Tây từ năm 2008.

## 1. Không gian văn hóa làng nghề, phố nghề Thăng Long-Hà Nội và sự ra đời truyền thuyết về các vị tổ sư bách nghệ

Thờ tổ nghề ở vùng đất Thăng Long-Hà Nội phổ biến nhất là do các phường nghề, làng nghề lập miếu, lập đền riêng để thờ. Trong tín ngưỡng dân gian, hầu hết các vị tổ nghề thường được thờ cúng với tư cách là Thành hoàng làng – vị thần cai quản và bảo vệ, trông coi cho cả làng, tác giả Đỗ Bình Trị cho rằng: “Không có gì lạ nếu những người cả đời sống ở làng ấy biết rõ về ông tổ làng mình hơn là về các vua chúa”. Trong quá trình thờ cúng, ở mỗi làng nghề, phố nghề đều có sự tích kể về công lao và tài năng vị tổ nghề của mình. Tuy nhiên, không phải sự tích về ông tổ

làng, ông tổ nghề nào cũng trở thành sáng tác nghệ thuật truyền miệng dân gian. Bởi ngoài sự tích và lịch sử, nhân vật còn phải tồn tại trong tâm thức dân gian dưới tài năng nghệ thuật kể chuyện của người dân, họ biết “phù phép” để biến chất liệu lịch sử thành những truyền thuyết dân gian.

Thăng Long-Hà Nội là vùng đất diễn ra nhiều sự kiện văn hóa, chính trị quan trọng trong quá trình phát triển đất nước ta. Đây là mảnh đất mà đã được các triều đại chọn làm nơi đóng đô. Ngay từ năm 544, Lý Nam Đế lập nước đã cho đóng đô ở thành Đại La (Hà Nội); đặc biệt vào năm 1010, Lý Thái Tổ cho rời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long đã tạo ra được sức hút mạnh mẽ về dân số, trong đó các ngành nghề thủ công ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ dần kéo về tụ hội ở kinh thành; rồi trải qua các triều đại sau, vùng đất này vẫn là trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước. Đó là cơ sở và tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ về nhiều mặt trong cuộc sống người dân, trong đó có sự phát triển của các ngành nghề thủ công.

Trên thực tế, vùng đất Thăng Long-Hà Nội có rất nhiều làng nghề cổ truyền. Đó là làng gốm Bát Tràng, làng kim hoàn Định Công, làng chạm khắc gỗ Thiết Ứng, làng đúc đồng Ngũ Xá, làng dệt thêu Triều Khúc, làng dệt lĩnh Bưởi, làng giấy Yên Hòa... Gắn với các ngành nghề là các nghề khác nhau, đó là các nghề như dệt the, dệt lụa, dệt nhiễu, thêu, thợ mộc, nghề kim hoàn, chạm bạc, khảm xà cừ, nghề giấy, nghề mây tre, làm nón, nghề sơn, chạm khắc đá, đúc đồng, nghề

gồm... Bên cạnh các làng nghề, vùng đất Thăng Long-Hà Nội còn có rất nhiều các phố nghề khác nhau như: phố Hàng Trống làm tranh dân gian, phố Hàng Thêu và nghề thêu Quất Động, phố Thọ Tiệp và nghề tiện Nhị Khê, phố Hàng Khay và nghề khảm trai Chuyên Mỹ, phố Hàng Bừa và nghề rèn Hòe Nhị... Trong số 36 phố phường Hà Nội xưa đều gắn với một sản phẩm hoặc một ngành nghề cụ thể nào đó. Nguyễn Trãi trong sách *Dư địa chí* có viết về sự sầm uất của 36 phường Đông Kinh như sau: “Phường Tàng Kiến (Hàng Trống?) làm kiệu, áo giáp, đồ đài, mâm võng, gấm trù, dù, lọng; Phường Yên Thái (Bưởi) làm giấy; Phường Thụy Chương (Thụy Khê) và phường Nghi Tàm dệt vải nhỏ và lụa; Phường Hà Tân (sau gọi là Giang Tân) nung vôi; Phường Hàng Đào nhuộm điều; Phường Tả Nhắt (cuối phố Huế?) làm quạt; Phường Đường Nhân (chỉ Phố Hoa Kiều) bán áo điệp. Đồ cống có gấm, đồ thêu, hương xạ cùng ba loại kim (vàng, bạc, đồng)”<sup>2</sup>. Điều này đã cho thấy, cách ngày nay vài trăm năm trước, một không gian làng nghề, phố nghề sầm uất đan xen nhau đã hình thành và tồn tại ở vùng đất Thăng Long.

Để trở thành một không gian các làng nghề, phố nghề sôi động, các nghề truyền thống ở Thăng Long-Hà Nội đã được hợp thành từ các nguồn khác nhau. Trước hết, đó là những làng nghề mang đậm tính chất bản địa đã tồn tại từ bao đời nay của cư dân đồng bằng Bắc Bộ. Các cư dân này đã sáng tạo ra những làng nghề khác nhau, như: nghề dệt lĩnh ở làng Trích Sài, làng Tàn, làng Nghè, làng Dâu thuộc vùng Bưởi... Thứ hai, đó là các làng nghề được hình thành do quá trình di dân, điều này có thể do biến cố lịch sử dẫn đến việc những thợ thủ công ở nhiều vùng miền khắp nơi chuyển đến vùng ven đô để lập các làng nghề, như làng Bát Tràng do người dân ở Bồ Bát (Ninh Bình) và Vĩnh Ninh Trường (Thanh Hóa) đến định cư; phố đúc tiền ở phía nam hồ Trúc Bạch do dân của một số làng ở xứ

Bắc theo lệnh của vua Lý ra kinh đô phục vụ triều đình đã lập lên làng Ngũ Xá... Trong quá trình di dân, những người thợ thủ công tài năng ở khắp mọi vùng miền đã đến kinh đô sinh tồn, lập nghiệp. Họ mang theo các ngành nghề của làng quê mình, đồng thời còn mang theo cả tín ngưỡng dân gian quen thuộc trong sinh hoạt văn hóa. Chính vì thế, Thăng Long-Hà Nội là nơi hội tụ, kết tinh của các ngành nghề của cả khu vực đồng bằng Bắc Bộ, trải qua một quá trình phát triển lâu dài đã tạo ra một không gian văn hóa các làng nghề, phố nghề hết sức phong phú. Có thể nói, các sắc diện của cuộc sống người dân Thăng Long-Hà Nội trong một thời gian dài được phản ánh qua các ngành nghề khác nhau, dân gian còn lưu truyền câu ca rằng: “Lĩnh hoa Yên Thái, đồ gốm Bát Tràng, thợ vàng Định Công, thợ đồng Ngũ Xá” để ca ngợi những sản phẩm nổi tiếng và người thợ tài hoa của các làng nghề nơi đây.

Sự tồn tại của các làng nghề, phố nghề là cơ sở ra đời các vị tổ nghề. Đã có rất nhiều các làng nghề khác nhau thờ những người có công sáng lập ra ngành nghề của mình làm tổ nghề. Về số lượng các vị tổ nghề được thờ ở Thăng Long-Hà Nội rất phong phú. Theo thống kê của tác giả Trần Quốc Vượng và Đỗ Thị Hào thì có 74 vị tổ nghề ở các ngành nghề khác nhau được thờ ở vùng đất này. Trong đó nổi bật nhất là nghề đúc đồng có 10 vị, tổ nghề dệt có 12 vị, tổ nghề rèn sắt có 8 vị, tổ nghề kim hoàn có 7 vị, tổ nghề gốm có 5 vị, tổ nghề khắc ván in có 4 vị, tổ nghề khảm trai có 3 vị, tổ nghề làm thuyền có 3 vị, tổ nghề tạc tượng có 2 vị, tổ nghề sơn vẽ có 2 vị, tổ nghề làm lược có 2 vị, tổ nghề chế tạo súng có 2 vị, tổ nghề tiện có 1, tổ nghề mộc có 1 vị, tổ nghề da có 1, tổ nghề dệt chiếu có 1 vị, tổ nghề đan giành có 1 vị, tổ nghề cung nỏ có 1 vị<sup>3</sup>. Bên cạnh đó, còn có một số cuốn sách đã ghi chép lại truyền kể và sự tích về các vị tổ nghề Thăng Long-Hà Nội, sách *Truyền thuyết ven hồ Tây*<sup>4</sup> có ghi lại 3

truyền thuyết, đó là truyền thuyết về bà chúa tâm, bà chúa dệt lĩnh, dệt; cuốn *Lược truyện thần tổ các ngành nghề*<sup>5</sup> đã ghi chép lại một cách vắn tắt sự tích về 20 nhân vật tổ nghề, đó là các vị tổ nghề đúc đồng, tổ nghề dệt, tổ nghề dệt thao, tổ nghề dệt gấm, tổ nghề tằm, tổ nghề làm lược, tổ nghề làm giấy, tổ nghề cung nỏ, tổ nghề đấu vật... sách *Sự tích các vị thần Thăng Long - Hà Nội*<sup>6</sup> đã ghi chép sự tích về 7 vị thần là các tổ nghề khác nhau, đó là tổ nghề lấy nỏ, tổ nghề thêu lọng, tổ nghề hát a đào, tổ nghề dát thiếc, tổ nghề dệt lĩnh, tổ nghề dệt. Như vậy, cùng với các di tích và lễ tục thờ cúng các vị tổ nghề, một số truyền thuyết về các vị tổ nghề Thăng Long-Hà Nội vốn lưu truyền trong dân gian đã được văn bản hóa qua các thư tịch.

Trong thực tế, sự tôn vinh những vị tổ nghề là một việc làm phổ biến của người dân các làng nghề ở Việt Nam, việc làm này ngoài việc ca ngợi những anh hùng lao động giỏi, còn là sự tri ân của nhân dân đến những người đã có công gây dựng ngành nghề. Đúng như nhận định của tác giả Kiều Thu Hoạch: “Việc thần thánh hóa những người thợ thủ công tài giỏi, những ông tổ sư các nghề vốn là một đặc điểm phổ biến của truyền thuyết ở nhiều nước. Về ý nghĩa, nó thể hiện nguyện vọng của nhân dân muốn biểu dương, ca ngợi những thành quả lao động, lý tưởng hóa nó, nâng nó lên thành những mẫu mực đẹp đẽ. Nhưng riêng ở Việt Nam nó lại mang một màu sắc khác: đó là biểu hiện cao đẹp của truyền thống “tôn sư trọng đạo”, “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, truyền thống ghi nhớ công ơn của tổ tông, gần là ông bà, cha mẹ mình, xa hơn chung hơn là tổ tiên của dân tộc mình”<sup>7</sup>. Theo quan niệm của chúng tôi, trong truyền thuyết dân gian, tổ nghề được coi là nhân vật đầu tiên sáng tạo ra một nghề, hoặc truyền nghề cho dân làng, các nghề ấy được duy trì lâu dài trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Trong truyền thuyết dân gian Thăng Long-Hà Nội có nhiều nhân vật tổ nghề ở những ngành nghề khác nhau, có nhân vật được miêu tả từ sự ra đời, hành trạng và hóa thân, nhưng cũng có nhân vật chỉ nhắc đến hành trạng, đó là công lao to lớn với ngành nghề mà mình đã tạo lên. Căn cứ vào nguồn gốc và hành trạng của các nhân vật tổ nghề có thể phân thành hai nhóm nhân vật tổ sư bách nghệ trong truyền thuyết dân gian Thăng Long-Hà Nội thành hai nhóm: Nhóm thứ nhất là truyền thuyết về những nhân vật huyền thoại do nhân dân hư cấu, tưởng tượng, nó thường gắn với những sáng tác dân gian về thời cổ đại; nhóm thứ hai là các nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa, nhóm này phản ánh hiện thực lịch sử trong đời sống hiện thực của con người.

## 2. Truyền thuyết về tổ sư bách nghệ là các nhân vật huyền thoại hóa

Các nhân vật tổ sư bách nghệ được huyền thoại hóa mang dáng dấp của những anh hùng văn hóa, phản ánh quá trình cải biến môi trường sống của con người, chế tác vũ khí giúp tướng lĩnh giết giặc cứu nước thời cổ đại. Tương truyền, Lư Cao Sơn là một nhân vật mạnh bạo và tài giỏi. Ông đã tham gia rèn ngựa sắt, roi sắt cho Thánh Gióng đi giết giặc. Sau khi Thánh Gióng giết giặc Ân và bay về trời, ông tiếp tục nghề rèn và truyền dạy nghề này cho người dân. Khi ông mất, những người thợ rào ở khắp đồng bằng Bắc Bộ thờ làm tổ sư.

Truyền thuyết khác cũng kể tổ nghề đúc đồng nhưng mang đậm dấu ấn Phật Giáo kể về nhân vật Không Lộ hay còn gọi là Không Lộ. Nhân vật này hiện lên trên trang truyền thuyết là một con người khỏe mạnh, hồn nhiên, hùng vĩ và cao đẹp. Có khi là một người đi đàng đó với những vết chân khổng lồ đã hoá đá; có khi là người đi tìm đồng để đúc thành chuông lớn, vượt biển khơi, diệt thủy quái... Nhà nghiên cứu Nguyễn Quang Vinh trong bài viết *Hình bóng người anh*

*hùng sáng tạo văn hoá trong truyền thuyết dân gian Không Lộ* đã nhận định: “Rõ ràng trong truyền thuyết, tiến trình cuộc đời của một con người mang tên Không Lộ, chẳng qua chỉ là một cái có, đúng hơn, một cái “khung” để cho nhân dân dựa vào đó mà khôi phục và làm sống lại những hình thức tự sự cổ đại ca ngợi công cuộc sáng tạo văn hoá, nhằm khẳng định bản lĩnh nhân dân trong một giai đoạn phục hưng lớn của lịch sử dân tộc”<sup>8</sup>. Qua hành trạng và chiến công được miêu tả trong truyền thuyết, hình tượng nhân vật Không Lộ là biểu hiện hình tượng anh hùng văn hoá. Đây chính là hình tượng nhân vật mơ ước và lý tưởng hóa của nhân dân. Trong tâm thức dân gian, Không Lộ là hình tượng nhân vật không lờ và hùng vĩ, về sau Phật giáo du nhập vào nước ta đã dựa vào hình tượng nhân vật này để cải biến giáo lý vốn khó hiểu và khô khan để truyền giáo. Chính điều này đã làm cho nhân vật tổ nghề Không Lộ trong truyện kể mang dáng dấp Phật giáo hóa và ít nhiều đã phai nhạt bản chất vốn có của mình. Hiện tượng này đã phản ánh quá trình vận động, phát triển từ tư duy huyền thoại đến tư duy tôn giáo trong nhận thức của người dân. Đến nay dấu tích thờ Không Lộ ở vùng Thăng Long vẫn còn ở đền Thần Quang, làng Ngũ Xá. Ngoài ra, Không Lộ còn được những người thợ rào ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ được tôn vinh là tổ sư nghề đúc đồng của nước ta.

Liên quan đến việc sáng chế vũ khí giết giặc, có truyền thuyết về nhân vật anh Cao Lỗ. Tương truyền, sau khi An Dương Vương được thần Kim Quy trao cho một cái vuốt và dặn dùng nó làm nỏ thần thì sẽ chống được giặc ngoại xâm. Viên tướng Cao Lỗ được giao nhiệm vụ làm lẫy nỏ như lời dặn của thần. Triệu Đà mấy lần đem quân sang đánh, nhưng bên này An Dương Vương sai đem nỏ thần ra bắn. Mỗi phát bắn ra hàng vạn mũi tên tua tủa, kẻ địch dù đông đến mấy cũng đành phải lui quân. Người dân vùng Cổ Loa tôn

vinh Cao Lỗ là tổ nghề lẫy nỏ tục còn gọi là “Ông Nỏ”. Hàng năm, vào ngày hội, dân làng rước một ống tre có nhiều lỗ, ở mỗi lỗ đặt một mũi tên và một chiếc lẫy bằng gỗ tượng trưng cho loại nỏ kỳ diệu của Cao Lỗ khi xưa. Tác giả Vũ Ngọc Khánh trong sách *Lược truyện thần tổ các ngành nghề*<sup>9</sup> đã cho biết, vào cuối những năm 50 của thế kỷ trước, người ta đào được hàng vạn mũi tên đúc bằng đồng tốt, ba ngành sắc nhọn, có chuôi cắm vào tên, và tìm thấy những chiếc ống đồng dài có nhiều lỗ khoét trên thân. Đây có thể là một bộ phận của nỏ thần Liên Châu màu nhiệm mà theo truyền thuyết là bắn một phát ra hàng vạn mũi tên. Điều này phù hợp với tục rước nỏ thần của người dân vùng Cổ Loa.

Trong truyền thuyết Thăng Long-Hà Nội, các vị tổ nghề là những nhân vật huyền thoại, phản ánh về thời xa xưa của dân tộc. Đó là các truyền thuyết về tổ nghề rèn, tổ nghề đúc đồng và tổ nghề lẫy nỏ đã đánh dấu một giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội từ thời đồ đá sang đồ đồng và đồ sắt. Cách đây khoảng vài nghìn năm, các cư dân Việt Nam ở lưu vực sông Hồng đã bước vào một thời kỳ phát triển mới, đó là thời đồ đồng thau hay còn gọi là thời kỳ Tiền Đông Sơn, thời kỳ này tương ứng với thời đại Hùng Vương. Hình tượng các nhân vật tổ nghề được huyền thoại hóa mang đậm yếu tố thần kỳ, từ sự ra đời, chiến công và sự hóa thân. Các hình tượng nhân vật này phản ánh mơ ước chinh phục thiên nhiên ở thời kỳ dựng nước và khát vọng chiến thắng kẻ thù ở giai đoạn giữ nước của dân tộc ta.

### 3. Truyền thuyết về các tổ sư bách nghệ là nhân vật lịch sử

Bên cạnh các nhân vật tổ nghề là những nhân vật huyền thoại, trong truyền thuyết dân gian Thăng Long còn có các nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa, đó là những con người bằng xương, bằng thịt, bằng bàn tay khối óc của mình đã khám phá và sáng tạo ra các ngành nghề. Hình

tượng các vị tổ nghề này xuất hiện rất đa dạng đã phản ánh rất nhiều sắc màu của cuộc sống kinh thành Thăng Long-Hà Nội.

Nổi bật nhất là nhóm truyền thuyết về các vị tổ nghề liên quan đến trang phục của người dân. Hình tượng nhân vật Bà Chúa Tằm hay còn được dân gian gọi là công chúa Quỳnh Hoa trong truyền thuyết là người đã đem nghề trồng dâu, nuôi tằm truyền dạy cho dân làng Nghi Tằm; hay đó là truyện kể về tổ nghề dệt là Nguyễn Thị La với đôi bàn tay khéo léo đã dệt lên những tấm vải vừa bền lại đẹp, ai thấy cũng phải thán phục. Rồi nàng La mở mang nghề dệt, lập một phường dệt ở ven Hồ Tây. Sau khi mất, nàng được phong là Thụ La Công Chúa; truyện kể về tổ nghề dệt thêu là Uy Vũ lưu truyền ở làng Triều Khúc, Thanh Trì, Hà Nội. Ông là người đi sứ bên Trung Hoa, được tiếp xúc với nghề làm quai thao, sau khi thành thạo, ông đem nghề truyền cho dân làng. Sau khi mất, ông được tôn làm tổ sư nghề dệt thêu.

Trong thực tế, ở Thăng Long-Hà Nội, nghề trồng dâu nuôi tằm và dệt vải gắn bó với đời sống của người dân, suối ẩm giá rét và mang lại vẻ đẹp cho con người. Dệt vải là nhu cầu từ xa xưa của con người và vẫn được duy trì ở nhiều làng xã trên vùng đất này. Còn các ngành nghề thủ, nhuộm là những ngành nghề ra đời khi nhu cầu về cái ăn, cái mặc của con người phát triển lên một tầm cao mới. Đặc biệt khi Thăng Long-Hà Nội trở thành kinh đô của đất nước thì nhu cầu về trang phục, về làm đẹp của người dân và tầng lớp của vua chúa, quan lại phát triển mạnh. Dân gian còn lưu truyền rằng: “Ăn Bắc, mặc Kinh” để nói về sự sành ăn, sành mặc ấy của người dân Thăng Long.

Bên cạnh các truyện kể về tổ nghề trồng dâu dệt vải, còn có các truyền thuyết về sự trang trí, làm đẹp trong đời sống ngày của con người. Đó là truyền thuyết về tổ nghề thêu là Lê Công

Hành, truyền thuyết về tổ nghề quạt là người họ Đào nay còn thờ tại đình Phiến Thị ở số 4 phố Hàng Quạt. Rồi truyền thuyết về tổ nghề làm lược là bà Lý Thị Hiệu và chồng bà là một vị quan nổi tiếng Nhữ Đình Hiền. Hai ông bà cùng đi sứ sang Trung Hoa, ở bên đó, họ đã học được nghề làm lược tre. Khi trở về bà cùng chồng hướng dẫn dân làng phát triển nghề ấy.

Trong truyền thuyết dân gian Thăng Long-Hà Nội còn có nhiều truyện kể liên quan đến nghề làm kim hoàn, đó là truyền thuyết về tổ nghề vàng bạc là ba anh em họ Trần: Trần Hoà, Trần Điện, Trần Điều sống tại làng Định Công, huyện Thanh Trì vào cuối thế kỷ thứ VI. Truyện khác kể về tổ nghề vàng bạc Thăng Long là Lưu Xuân Tín, quê ở làng Châu Khê, nay thuộc tỉnh Hải Dương. Ông từng làm quan đến chức Thượng Thư Bộ Lại đời Lê Thánh Tông. Ông đưa người làng lên Tràng Đức rồi phát triển thành nghề đúc thoi vàng, thoi bạc. Phố Hàng Bạc ngày nay khởi đầu là do dân làng Châu Khê trú ngụ. Sau khi ông mất, dân làng thờ làm tổ nghề. Rồi lại có truyền thuyết kể về Nguyễn Kim Lân đã dạy nghề cho dân làng Đồng Xâm (Thái Bình), sau này một số dân làng lên Thăng Long cư trú tại phố Hàng Bạc làm nghề kim hoàn, họ vẫn thờ ông làm tổ sư nghề kim hoàn. Bên cạnh đó còn có truyện kể về tổ nghề giấy qui là Nguyễn Quý Trị, người làng Kiều Ky, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Liên quan đến các ngành nghề thủ công mỹ nghệ khác có truyện kể về tổ nghề gốm sứ, kể về tổ sư nghề gốm sứ Bát Tràng là Hứa Vĩnh Kiều. Hay truyền thuyết về ông tổ nghề khảm trai là Nguyễn Kim. Truyền thuyết về tổ nghề tiện là Đoàn Tài (Trần Tài). Truyện kể về tổ nghề làm giấy được thờ tại các làng Hồ Khẩu, làng Đông Xã, làng Yên Thái, làng Nghĩa Đô, thuộc Hà Nội...

Liên quan đến văn nghệ dân gian có truyện kể tổ nghề ca công họ Vũ. Hay truyện kể về hai vị

nữ tổ ca công là Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị An ở làng Phú Đô (Hà Nội). Liên quan đến âm thực, có truyền thuyết về tổ nghề làm bún ở làng Mễ Trì, Hà Nội. Liên quan đến võ thuật có truyền thuyết về Nguyễn Tam Trinh, tổ nghề vật võ làng Mai Động... Có thể nói, việc thờ cúng các vị tổ nghề là một minh chứng cho sự tồn tại và phát triển của các ngành nghề nơi đây.

Mỗi loại hình nhân vật tổ nghề trong truyền thuyết dân gian Thăng Long - Hà Nội kể trên có phương thức tồn tại riêng. Nếu hình tượng các nhân vật tổ nghề được huyền thoại hóa trong truyền thuyết dân gian mang đậm yếu tố hoang đường kỳ ảo thì hình tượng tổ nghề là những nhân vật lịch sử lại gần gũi với đời sống hiện thực hơn, yếu tố thần kỳ với công trạng phi thường của nhân vật và sự trợ giúp của thần linh dần mờ nhạt đi, thay vào đó là yếu tố lịch sử và hiện thực cuộc sống. Mặt khác, các nhân vật huyền thoại trong truyền thuyết thường là những vị thần có sức mạnh phi thường từ đâu đó xuất hiện, hoặc là những nhân vật khổng lồ có thể làm ra những sản phẩm đặc sắc, còn các nhân vật lịch sử được truyền thuyết hóa thường là những con người bằng xương, bằng thịt, bằng trí lực và tài năng của mình đã sáng tạo ra các ngành nghề cho dân làng, các vị tổ nghề này có thực trong đời sống cư dân cộng đồng, họ có công trạng đối với làng nghề và được tôn sùng, thờ cúng. Họ nhập vào “hàng ngũ” những nhân vật thần tổ của các ngành nghề như một niềm tự hào của người dân.

Các nhân vật tổ nghề trong truyền thuyết nghề Thăng Long-Hà Nội được lưu truyền rộng khắp trong không gian văn hóa, hầu hết các làng nghề đều thờ cúng ghi nhớ công ơn của họ “Tổ nghề được tôn sùng là Thành hoàng cai quản không gian thiêng cả làng”<sup>10</sup>. Nếu tính dọc theo trường kỳ lịch sử của dân tộc thì dấu ấn truyền thuyết dân gian Thăng Long-Hà Nội về các nhân vật tổ sư bách nghệ xuất hiện từ thời Hùng Vương đến thế kỷ XIX. Điều đó chứng tỏ rằng, trong chiều

dài lịch sử phát triển của cư dân Thăng Long-Hà Nội, hệ thống thờ Thành hoàng đã được phản ánh qua hệ truyền thuyết tổ nghề. Điều này trước hết bắt nguồn từ đời sống làng nghề ở vùng đất Thăng Long hết sức phong phú và sinh động, mặt khác, nó là minh chứng cho trí tưởng tượng bay bổng của nhân dân. Việc các nhân vật tổ nghề này được tôn vinh là những vị thần linh đã làm sống lại sức mạnh tinh thần của nhân dân, bởi truyền thuyết dân gian luôn chứa đựng trong nó tinh thần của nhân dân hướng về các ngành nghề, về các anh hùng lao động. □

### Chú thích:

<sup>1</sup> Đỗ Bình Trị (1999). *Những đặc điểm thi pháp của các thể loại văn học dân gian*. NXB. Giáo dục, H; tr. 54.

<sup>2</sup> Dẫn theo Trần Quốc Vượng, Đỗ Thị Hào (2009). *Làng nghề phố nghề Thăng Long-Hà Nội*. NXB. Khoa học xã hội; tr 57-58.

<sup>3</sup> Trần Quốc Vượng, Đỗ Thị Hào. *Làng nghề phố nghề Thăng Long-Hà Nội*. Sđd; tr 293-350.

<sup>4</sup> Bùi Văn Nguyên, Vũ Tuấn Sán, Chu Hà (1975). *Truyền thuyết ven hồ Tây*. Hội Văn nghệ Hà Nội.

<sup>5</sup> Vũ Ngọc Khánh (1990). *Lược truyện thần tổ các ngành nghề*. NXB. Khoa học xã hội.

<sup>6</sup> Hoàng Lê (chủ biên - 2008). *Sự tích các vị thần Thăng Long-Hà Nội*. NXB. Văn hóa thông tin.

<sup>7</sup> Kiều Thu Hoạch (2006). *Văn học dân gian người Việt góc nhìn thể loại*. NXB. Khoa học xã hội; tr. 59.

<sup>8</sup> Nguyễn Quang Vinh (1974). *Hình bóng người anh hùng sáng tạo văn hoá trong truyền thuyết dân gian Không Lộ*. Tạp chí Văn học, số 6; tr 64.

<sup>9</sup> Vũ Ngọc Khánh. *Lược truyện thần tổ các ngành nghề*. Sđd; tr 81.

<sup>10</sup> Ngô Đức Thịnh (chủ biên - 2001). *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*. NXB. Khoa học xã hội; tr. 49.